

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1017/TTr-SYT ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và:

- Sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính từ số 01 đến số 05 khoản I Mục A; các thủ tục hành chính từ số 01 đến số 05 khoản III Mục A; các thủ tục hành chính từ số 01 đến số 05 khoản IV Mục A; các thủ tục hành chính từ số 02 đến số 04, từ số 06 đến số 10 khoản III Mục B; thủ tục hành chính số 01 khoản IV Mục B; các thủ tục hành chính từ số 01 đến số 04 khoản III Mục C Phụ lục kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính từ số 01 đến số 04 khoản I Mục A Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 01 khoản I Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 01 khoản III Mục A; thủ tục hành chính số 01 khoản III Mục B Phụ lục kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/hiện);
- Bộ Y tế (để b/cáo);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để c/đạo);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + PCVP - Trà Thanh Trí (để tr/khai);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/hiện);
- Viễn thông Kon Tum (để p/hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 249 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH: 14 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (09 TTHC)								
1	1.001806.H34	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính	x	x	x

						phủ; * Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.			
2	2.000062.H34	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ * Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.	x		x
3	2.000135.H34	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;	x		x

						- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
4	2.000056.H34	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x		x
5	2.000051.H34	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số	x		x

		giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp		công tỉnh		42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
6	1.012991.H34	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/ 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
7	1.012992.H34	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/ 2024 của Chính phủ;	x	x	x

				công tỉnh		- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
8	1.012993.H34	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/ 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
9	1.012990.H34	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/ 2024 của Chính	x		x

				tỉnh		phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
II	Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (05 TTHC)								
1	2.000025.H34	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động -	x	x	x

						Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
2	2000027.H34	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x

3	2000032.H34	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
4	2000036.H34	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày	x	x	x

						28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
5	1000091.H34	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về</i>	x	x	x

căn cứ pháp lý.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2 CẤP) CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN: 03 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (03 TTHC)								
1	2.000286.H34	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	- Cấp tỉnh thực hiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. - Cấp huyện thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
2	2.000282.H34	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm	- Cấp tỉnh thực hiện tại Trung	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;	x	x	x

		trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. - Cấp huyện thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện		- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
3	2.000477.H34	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN: 12 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ	Thời hạn	Địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
-----	------------	------------------	----------	----------	-------------	----------------	---------------------

		tục hành chính	giải quyết	thực hiện			Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (11 TTHC)								
1	1.001776.H34	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	34 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
2	1.001758.H34	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đổi	06 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ	x	x	x

		tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh				phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
3	1.001753.H34	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
4	1.001731.H34	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số	x	x	x

						45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
5	2.000777.H34	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x
6	2.000744.H34	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ;	x	x	x

						phủ; * Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.			
7	1.001739.H34	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; * Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.	x	x	x
8	1.000684.H34	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; * Ghi chú: Thủ tục này	x		x

						<i>được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
9	2.000298.H34	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x		x
10	2.000294.H34	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x		x

11	1.000669.H34	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x		x
II Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (01 TTHC)									
1	2.001661.H34	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	x	x	x

						phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ: 04 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (04 TTHC)								
1	1.001699.H34	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ;	x	x	x

						- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
2	1.001653.H34	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;	x	x	x

						phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>			
3	2.000355.H34	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về</i>	x		x

						<i>căn cứ pháp lý.</i>			
4	2.000751.H34	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ <i>* Ghi chú: Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý.</i>	x	x	x

Đ. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ CẤP TỈNH: 02 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (02 TTHC)		
1	2.000141.H34	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	2.000135.H34	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã	

		hội	
--	--	-----	--

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ CẤP HUYỆN: 02 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
I	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (02 TTHC)		
1	2.000291.H34	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	1.000669.H34	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	

Tổng cộng: 37 Thủ tục hành chính (trong đó: 14 thủ tục sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh; 03 thủ tục sửa đổi, bổ sung chung 2 cấp tỉnh, huyện; 12 thủ tục sửa đổi, bổ sung cấp huyện; 04 thủ tục sửa đổi, bổ sung cấp xã; 02 thủ tục bãi bỏ cấp tỉnh; 02 thủ tục bãi bỏ cấp huyện).